

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TH
TỈNH GIA L**

Bản án số: 01/2017/TLST-KDTM

Ngày: 25/ 7/ 2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TH, TỈNH GIA L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chế Công Nghị và bà Phạm Thị An.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Thới - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L ghi biên bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2017/TLST-KDTM, ngày 08 tháng 3 năm 2017; Về việc tranh chấp “*Hợp đồng đầu tư*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia L;

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun P, tỉnh Gia L.

Người đại diện ông: Nguyễn Bá C - Tổng giám đốc công ty;

Người đại diện theo ủy quyền bà: Bùi Thị Phi Y, SN: 1977(Chức vụ: Chuyên viên chính sách Pháp chế).

Địa chỉ: 89 Trần Hưng Đạo, phường Sông Bờ, thị xã Ayun P, tỉnh Gia L.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Đ, SN: 1971 và bà Đỗ Thị H, SN: 1972;

Địa chỉ: Đều trú tại thôn Yên Phú 2 (2A), xã Chrôh ponan, Phú Th, tỉnh Gia L; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 , bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị Phi Y trình bày:

Ngày 17/02/2014 ông Đỗ Văn Đ và vợ là bà Đỗ Thị H có ký hợp đồng đầu tư của Công ty để trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu với Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia L (*Viết tắt là Công ty TTCS Gia L*); mục đích là nhận ứng vốn để trồng chăm sóc mía và bán nguyên liệu lại cho Công ty; hình thức là cân nguyên liệu mía trừ đi khoản tiền đã ứng, nếu sản lượng mía dư thì Công ty thanh toán thêm số tiền sản lượng dư, còn nếu sản lượng mía không đủ so với tiền ứng thì hoàn trả lại tiền ứng theo tỷ lệ cho Công ty; tương đương với hợp đồng đã ký, ông Đ bà H ứng của công ty là 41.600.000đồng, đã thanh toán được 16.270.000đồng.

Tương tự ngày 03/10/2016 ông Đ bà H ký hợp đồng bao tiêu mía nguyên liệu với Công ty để trả nợ đầu tư năm trước, nhưng khi thu hoạch mía gia đình ông Đ không bán mía cho Công ty như thỏa thuận mà lại bán cho doanh nghiệp khác, nên ngày 06/01/2017 Công ty lập biên bản ghi nhận vi phạm hợp đồng; ngày 30/9/2016 Công ty và gia đình ông Đ xác nhận nợ cụ thể là: 36.655.464đồng (*trong đó 25.330.000đồng tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 31/3/2017 là 5.437.464đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.888.000đồng*); theo nội dung đơn khởi kiện; tại phiên tòa hôm nay thì ông Đ bà H còn nợ công ty là 37.605.339 đồng (*trong đó 25.330.000đ tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 6.387.339đ và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.888.000đ*); vậy đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Đ phải trả Công ty số tiền trên.

Bị đơn ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị H đã khai: Vợ chồng tôi có hợp đồng với Công ty về việc ứng vốn để trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu với Công ty TTCS Gia L, như chị Y khai là hoàn toàn đúng, nhưng vợ chồng tôi đã trả cho Công ty 16.270.000đồng, chúng tôi chỉ trả tiền đầu tư và tiền lãi suất còn tiền phạt vi phạm hợp đồng chúng tôi không trả, vậy đề nghị Tòa án và Công Ty TTCS Gia L xem xét giải quyết.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử, khi tổng đạt Quyết định xét xử cho ông Đ và bà H theo đúng quy định của pháp luật, ông Đ và bà H đã ký nhận đầy đủ, nhưng không có mặt để tham gia Tố tụng tại phiên tòa ngày 07/7/2017 nên phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L phát biểu quan điểm về tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Căn cứ Điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát;

Căn cứ Điều 21; 30; 35; 39; 48; 58; 93; 98; 147; 170; 191; 195; 196; 203; 205; 208; 209; 210; 211; 220; 227 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 01 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 290; 298; 389; 401; 402; 414; 418 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 300; 301; 306 của Luật thương mại;

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 47; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận...và hòa giải, các bước tổng đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm;

Về Nội dung quan hệ Hợp đồng đầu tư là đúng, nguyên đơn dân sự là Công ty TTCS Gia L yêu cầu đòi phía bị đơn ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị H trả 37.605.339 đồng (*trong đó 25.330.000đồng tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 6.387.339đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.888.000đồng*) là hoàn toàn có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản Tố tụng và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, ông Đ và bà H đã ký nhận đầy đủ, nhưng không có mặt để tham gia Tố tụng tại phiên tòa ngày 07/7/2017; vì lý do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên tòa xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công Ty TTCS Gia L có ký hợp đồng đầu tư số: 0649/2015/HĐ-SEC ngày 17/02/2014 với ông Đ và bà H về nội dung đầu tư trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu; nhưng khi thu hoạch mía ông Đ bà H không bán mía cho Công ty như thỏa thuận, căn cứ theo hợp đồng thì ông Đ bà H ứng của công ty là 41.600.000đồng đã thanh toán được 16.270.000đồng. Tương tự ngày 03/10/2016 ông Đ bà H ký tiếp hợp đồng số: 3499/16/TTCS nội dung bao tiêu mía nguyên liệu với Công ty để trả nợ đầu tư năm trước, nhưng khi thu hoạch mía gia đình ông Đ không bán mía cho Công ty như thỏa thuận, nên ngày 06/01/2017 Công ty lập biên bản ghi nhận vi phạm hợp đồng; ngày 30/9/2016 Công ty và gia đình ông Đ xác nhận nợ; cụ thể tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm thì ông Đ bà H còn nợ công ty là 37.605.339 đồng (*trong đó 25.330.000đồng tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 6.387.339đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.888.000đồng*); buộc vợ chồng ông Đ phải thực hiện theo hợp đồng như đã cam kết.

Tại hồ sơ vụ án ông Đ bà H chỉ chấp nhận trả tiền đầu tư và lãi suất theo thỏa thuận, không đồng ý trả tiền phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của công ty.

Xét giao dịch hợp đồng đầu tư giữa Công ty TTCS Gia L và ông Đ bà H được giao kết đúng về hình thức, nội dung và các phụ lục của hợp đồng đều thực hiện

đúng các quy định của pháp luật; các bên thỏa thuận nhận đầu tư để trồng, chăm sóc thì phải bán nguyên liệu (mía) lại cho Công ty; xét thỏa thuận của hai bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng đầu tư trên có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết, Công ty TTCS Gia L yêu cầu ông Đ bà H phải trả tiền đầu tư, tiền lãi suất theo thỏa thuận và tiền phạt vi phạm hợp đồng là có cơ sở; bởi lẽ ông Đ bà H đều thống nhất các điều khoản của hợp đồng về lãi suất cũng như nếu vi phạm hợp đồng sẽ bị phạt tối đa 8% tổng sản lượng là 80 tấn x đơn giá 920.000đ, hơn nữa ngày 30/9/2016 giữa Công ty TTCS Gia L và ông Đ bà H xác nhận nợ, lãi suất thỏa thuận và tỷ lệ tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Việc ông Đ bà H không trả tiền phạt vi phạm hợp đồng cho Công ty, cho rằng sản lượng mía bị mất mùa, nên không bán sản lượng mía cho Công ty, nhưng quá trình giải quyết ông Đ bà H cũng không đưa ra được bất cứ một chứng cứ nào để cho rằng phía Công ty TTCS Gia L có lỗi trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng như trường hợp bất khả kháng; còn về phía Công ty TTCS Gia L đã thực hiện việc đối chiếu công nợ, thông báo thời gian nộp tiền nợ tiền phạt, phía ông Đ bà H cũng ký cam kết nhưng không thực hiện; do vậy lỗi hoàn toàn do ông Đ bà H, nên buộc ông Đ bà H phải thanh toán tiền cho Công ty TTCS Gia L như yêu cầu tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Công ty TTCS Gia L đã tính lãi suất đến ngày 31/3/2017, việc tính lãi suất giữa Công ty và ông Đ bà H là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận nên Hội đồng không đề cập đến; xét yêu cầu tính lãi suất quá hạn của Công ty TTCS Gia L là có cơ sở, bởi lẽ hợp đồng hai bên cam kết, ngày 30/9/2016 ông Đ có xác nhận nợ và hẹn ngày 15/01/2017 trả, ngày 16/02/2017 phía Công ty tiếp tục thông báo nợ cho ông Đ bà H nhưng ông Đ bà H vẫn không thực hiện theo biên bản ghi nhận vi phạm hợp đồng và biên bản xác nhận nợ; vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty về thời gian và lãi suất theo quy định; nên căn cứ theo công văn số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm để làm căn cứ tính lãi suất;

Cụ thể tính từ ngày 01/4/2017 đến ngày 25/7/2017 là 03tháng 24ngày(114ngày) x 25.330.000đồng x 1,125%/30ngày = 949.875đồng;

Vậy tổng số tiền ông Đ bà H phải trả cho Công ty TTCS Gia L là: 36.655.464đồng + 949.875đồng = 37.605.339đồng.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu của Công ty TTCS Gia L được chấp nhận, nên buộc ông Đ bà H phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Th tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Áp dụng Điều 30; 35; 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng điểm c khoản 01 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Áp dụng Điều 290; 298; 389; 401; 402; 414; 418 Bộ luật dân sự năm 2005;
Áp dụng Điều 300; 301; 306 của Luật thương mại;
Áp dụng khoản 2 Điều 26; Điều 47; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia L.

Buộc: ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị H phải trả Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia L số tiền **37.605.339đồng** (trong đó 25.330.000đồng tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 6.387.339đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 5.888.000đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả đối với khoản tiền còn phải thi hành án theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Buộc: ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị H phải nộp 3.000.000đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia L số tiền 3.000.000đồng đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0001166 ngày 08/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Th, tỉnh Gia L.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/7/2017) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng đối với ông Đỗ Văn Đ và bà Đỗ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia L để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;

toà

-VKSND.H Phú Th;

-Chi cục THADS.H Phú Th;

-Người tham gia tố tụng;

-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Bùi Đức Ruyệt